**Phụ lục 1**

*(Kèm theo Thông tư số: /2020/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHẨN CẤP**

**1. Nội dung định mức**

Định mức đối với dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp cho nạn nhân bị mua bán trở về là mức tiêu hao về các yếu tố về lao động, vật tư, thiết bị và các định mức chi phí khác để hoàn thành việc tiếp nhận và lập hồ sơ nạn nhân, cung cấp dịch vụ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, chăm sóc sức khỏe, tư vấn ổn định tâm lý và chuyển tuyến cho nạn nhân theo quy định.

**2. Kết cấu định mức**

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp bao gồm các định mức thành phần: (1) Định mức chi phí trực tiếp; (2) Định mức chi phí tiền lương; (3) Thiết bị, văn phòng phẩm, tài sản cố định.

**3. Bảng tổng hợp định mức kinh tế - kỹ thuật**

*(Tính cho một ca hỗ trợ khẩn cấp)*

| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Chi phí trực tiếp**  |  |  |
| ***1*** | ***Tiếp nhận và lập hồ sơ nạn nhân*** |  |  |
| a. | Tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ | Lần/nạn nhân | 1 |
| b. | Trao đổi, thu thập thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân có liên quan đến hành vi mua bán người. | Lần/nạn nhân | 1 |
| c. | Lập hồ sơ nạn nhân | Lần/nạn nhân | 1 |
| ***2*** | ***Cung cấp nhu cầu thiết yếu, khám sức khỏe, tư vấn tâm lý*** |  |  |
| a | Cung cấp nhu cầu thiết yếu và các vật dụng sinh hoạt cần thiết |  |  |
|  | Bố trí chỗ ở cho nạn nhân | Ngày/nạn nhân | Tối đa 5 ngày |
|  | Cung cấp thức ăn cho nạn nhân | 3 bữa/ngày/nạn nhân | Tối đa 5 ngày |
| Kl/nạn nhân/ngày | 2.500 |
|  | Quần áo dài | Bộ/nạn nhân | 1 |
|  | Quần áo lót | Bộ/nạn nhân | 2 |
|  | Đồ dùng vệ sinh cá nhân (Khăn mặt, dép, bàn chải, kem đánh răng, xà phong tắm, dầu gội đầu, xà phòng giặt…) | Bộ/nạn nhân | 1 |
|  | Nước uống | Lít/nạn nhân/ngày | 2 |
|  | Nước đảm bảo vệ sinh, tắm, giặt | M3/nạn nhân/tháng | 2 |
|  | Điện  | Kwh/nạn nhân /tháng | 20 |
| b | Khám sức khỏe ban đầu cho nạn nhân | Lần/nạn nhân | 1 |
| c | Tư vấn tâm lý và thông báo về các chế độ, chính sách | Lần/nạn nhân/ngày | 1 |
| ***3*** | ***Chuyển tuyến nạn nhân*** |  |  |
| a | Liên hệ với gia đình/cơ sở trợ giúp xã hội và làm thủ tục đưa nạn nhân về gia đình hoặc cơ sở | Lần/nạn nhân | 1 |
| b | Đưa nạn nhân về nơi cư trú hoặc cơ sở trợ giúp xã hội | Lượt/nạn nhân | 1 |
| **II.**  | **Chi phí tiền lương** |  |  |
| ***1*** | ***Định mức nhân công*** |  |  |
|  | Nhân viên tư vấn | Nhân viên/tối đa 25 nạn nhân | 1 |
|  | Nhân viên chăm sóc sức khỏe | Nhân viên/tối đa 25 nạn nhân | 1 |
|  | Nhân viên tiếp dưỡng | Nhân viên/tối đa 25 nạn nhân | 1 |
|  | Cán bộ chăm sóc trực tiếp | Nhân viên/tối đa 25 nạn nhân | 1 |
|  | Cán bộ, nhân viên gián tiếp (Kế toán, hành chính, văn thư, lái xe, bảo vệ…) | Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số nhân viên | 20% |
| ***2*** | ***Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân*** |  | 3.5 |
|  **III** | **Thiết bị, tài sản cố định, văn phòng phẩm** |  |  |
| **1** | **Thiết bị** |  |  |
|  | Máy tính 0,5KW | Chi phí khấu hao thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định |
|  | Máy in Lazer A4 0,4KW |
|  | Quạt trần 0,08KW |
|  | Quạt treo tường 0,075KW |
|  | Đèn neon 0,04KW |
|  | Cây nước nóng lạnh 0,6KW |
|  | Bàn làm việc |
|  | Bàn máy tính |
|  | Ghế nhân viên |
|  | Ghế khách hàng |
|  | Tủ đựng tài liệu |
|  | Tủ đựng quần áo |
|  | Giường nằm |
|  | Đệm |
|  | Chăn, gối |
|  | Màn |
|  | Bếp |
|  | Xoong |
|  | Nồi |
|  | Chảo rán |
|  | Mâm |
|  | Bát, đũa, đĩa, thìa |
|  | Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết |
| **2.** | **Văn phòng phẩm** |
|  | Giấy in A4 |  Gram/10 nạn nhân/6 tháng | 1 |
|  | Bút bi | Cái/10 nạn nhân/tháng | 1 |
|  | Ghim dập bé | Hộp/10 nạn nhân/12 tháng | 1 |
|  | Ghim vòng | Hộp/10 nạn nhân /tháng | 1 |
|  | Mực in  | Hộp mực/10 nạn nhân/12 tháng | 1 |
|  | Sổ ghi chép | Quyển/10 nạn nhân/12 tháng | 1 |
|  | Hồ dán | Lọ/10 nạn nhân /3 tháng | 1 |
|  | Kẹp file hồ sơ đối tượng | Cái/10 nạn nhân /12 tháng | 1 |
| **3** | Chỗ ở tạm thời trong thời gian chờ hoàn thiện hồ sơ, chuyển tuyến: thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội | Ngày/nạn nhân | Tối đa 5 ngày |